

CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2024

CTCP Đầu tư Công nghiệp Xuất nhập khẩu Đông Dương

Ngày	3,000 VNĐ		
31/12/2024			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	15.4%	3.4%	-

DT thuần	Q4/24
201	tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 165 450%	
YoY: ▲ 75.0 59.4%	

LN thuần	Q4/24
9.85	tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 4.40 80.7%	
YoY: ▲ 11.7 644%	

LN sau thuế	Q4/24
8.56	tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 2.49 41.0%	
YoY: ▲ 8.46 8461%	

Tỷ suất lãi EBIT	2024
32.3%	
YoY: +/- ▲ 50.2%	

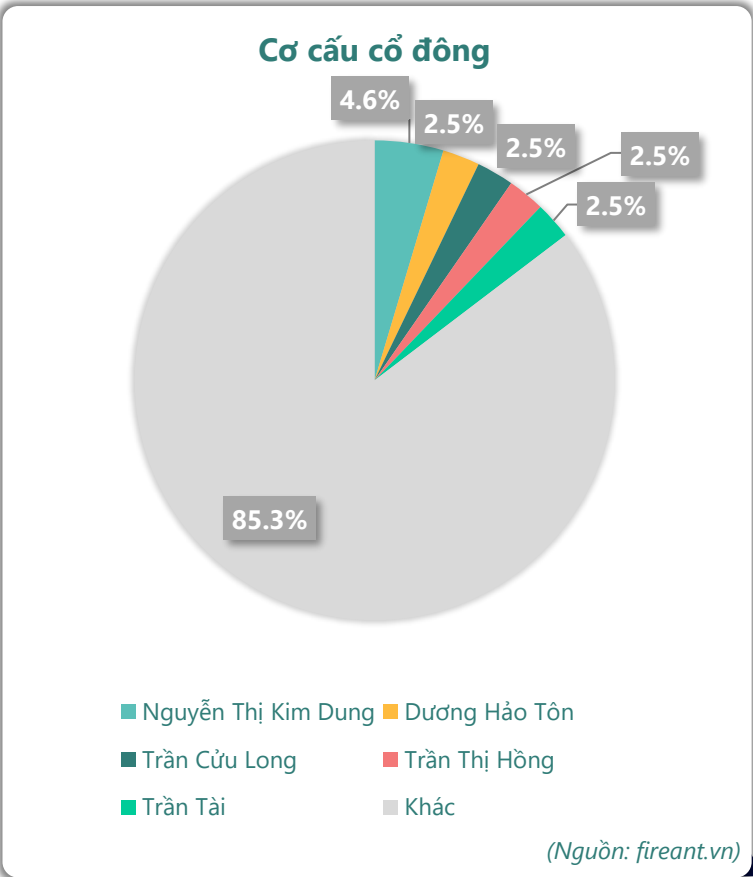
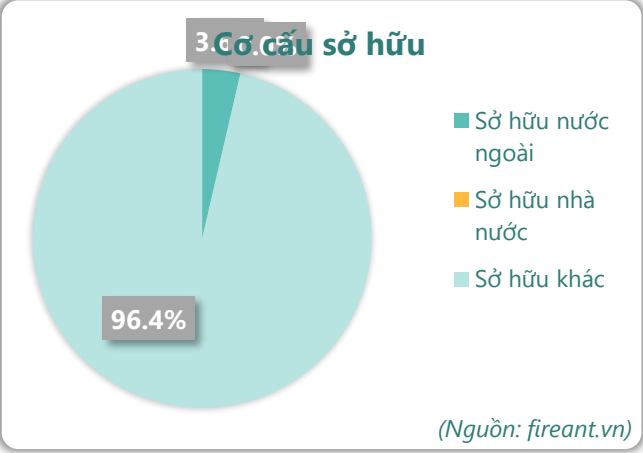
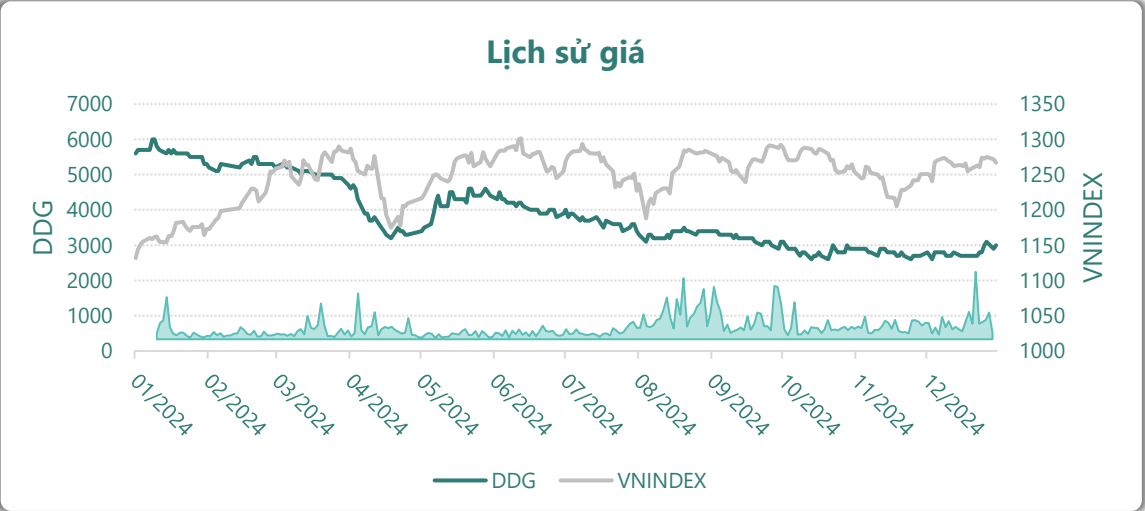
ROE	2024
2.2%	
YoY: +/- ▲ 32.6%	

Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	2,600 - 6,000
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	240
Số lượng CPLH (CP)	79,839,886
KLGD BQ 20 phiên (CP)	342,345
Sở hữu nước ngoài	3.6%
Beta	1.62
EPS	191
P/E	15.7

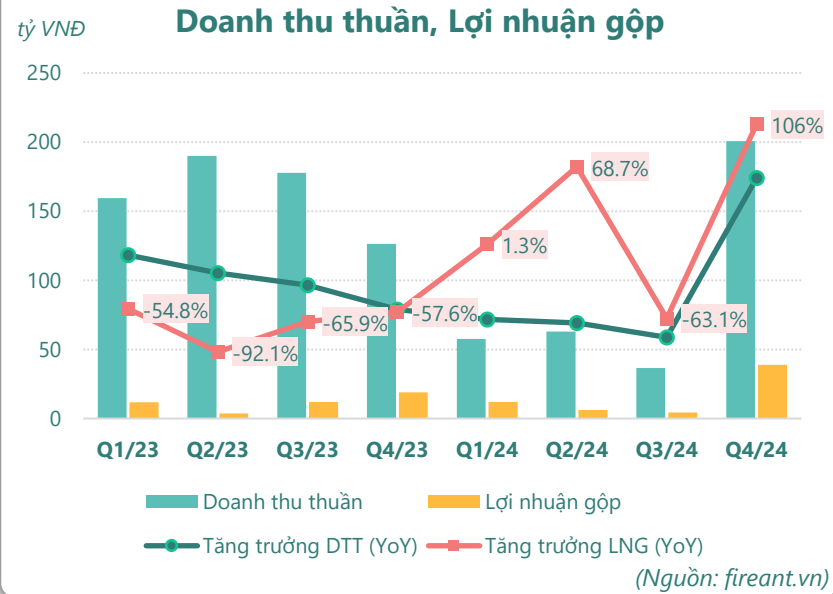
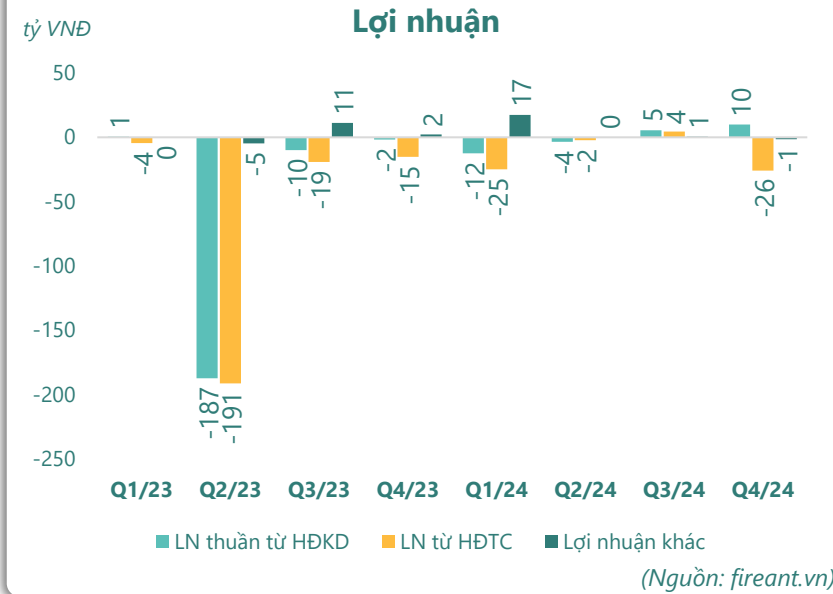
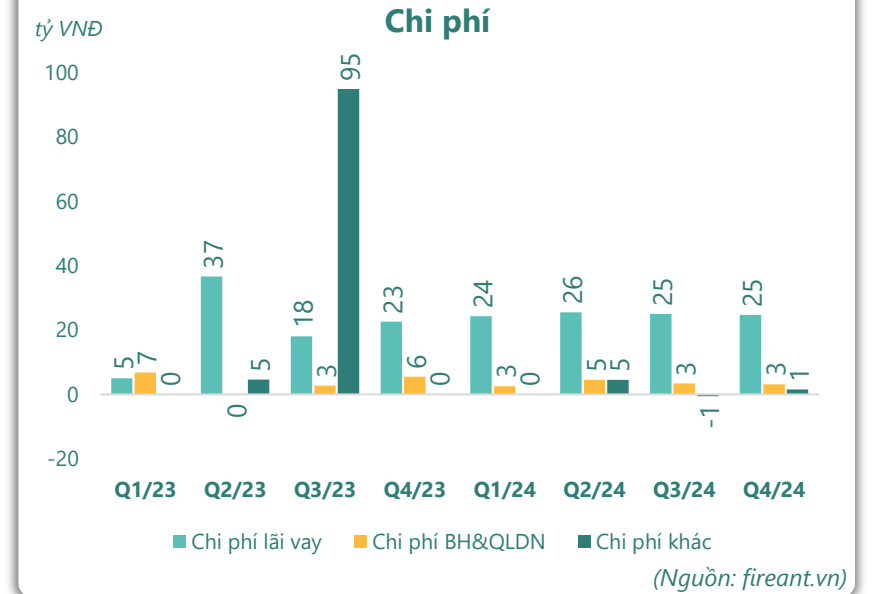
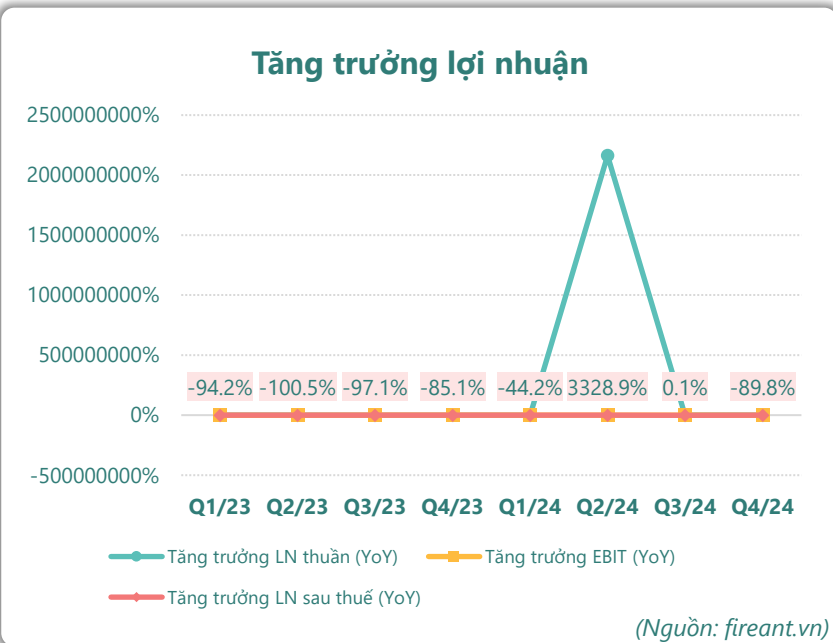
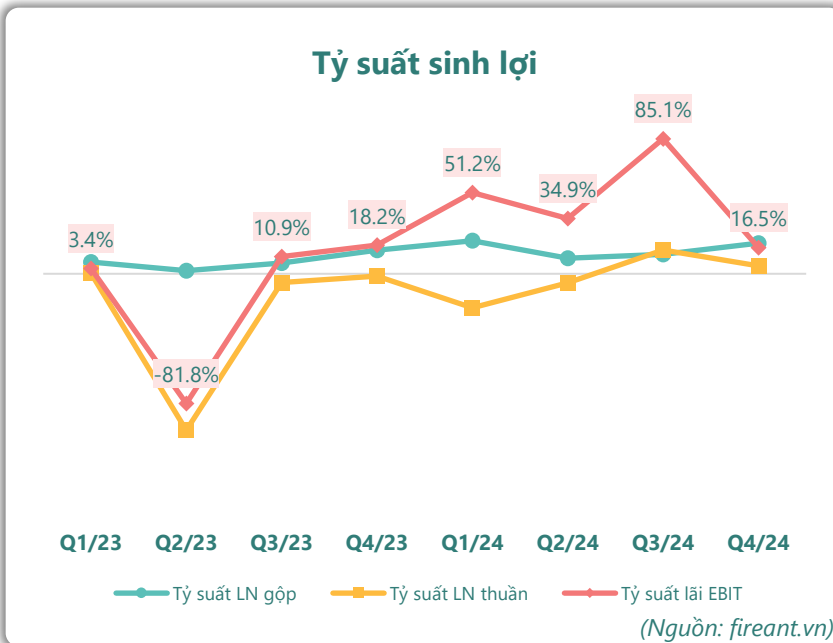
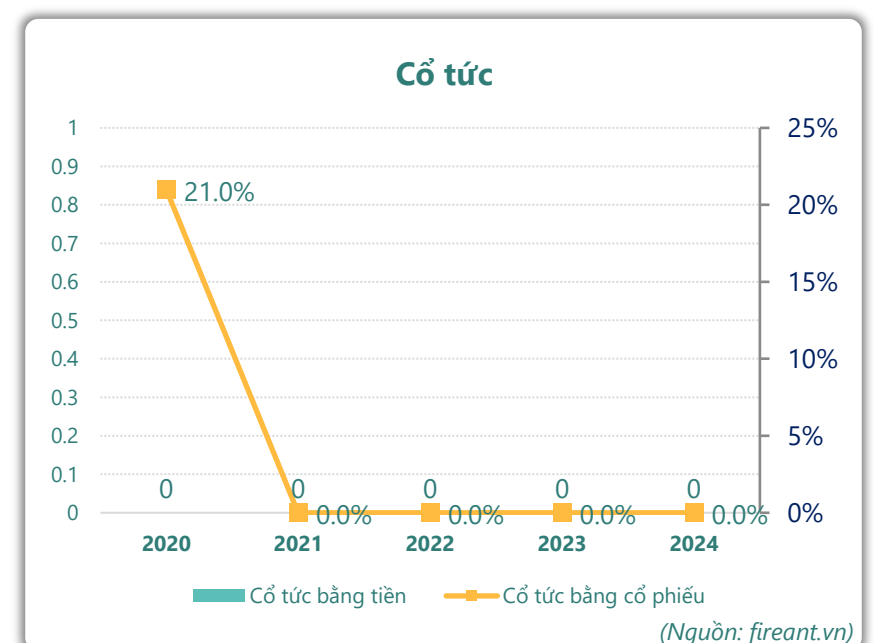
DT thuần	2024
358	tỷ VNĐ
YoY: ▼296 -45.3%	

LN thuần	2024
-0.65	tỷ VNĐ
YoY: ▲ 211 99.7%	

LN sau thuế	2024
15.5	tỷ VNĐ
YoY: ▲ 221 108%	



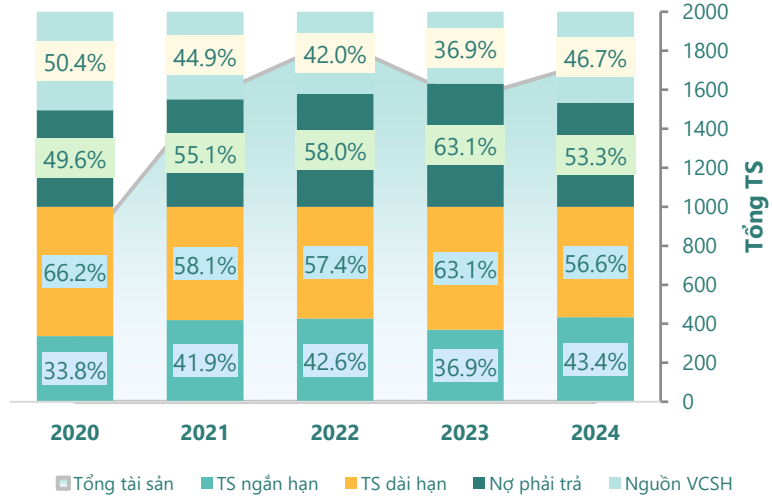
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

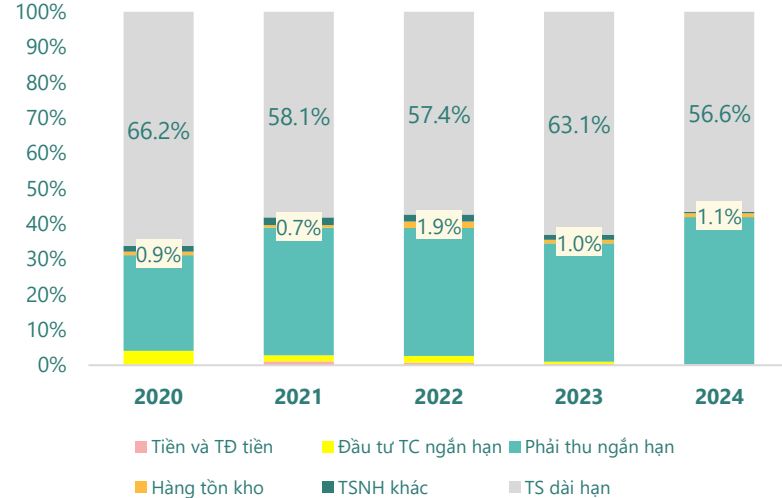
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

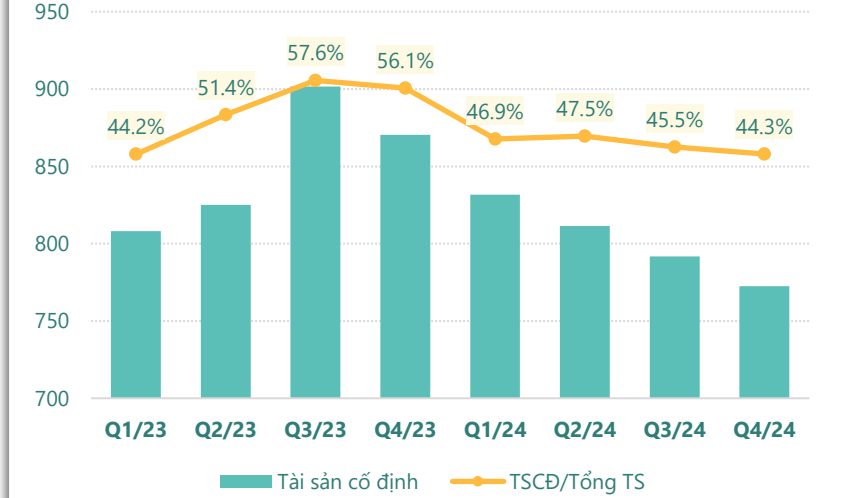
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

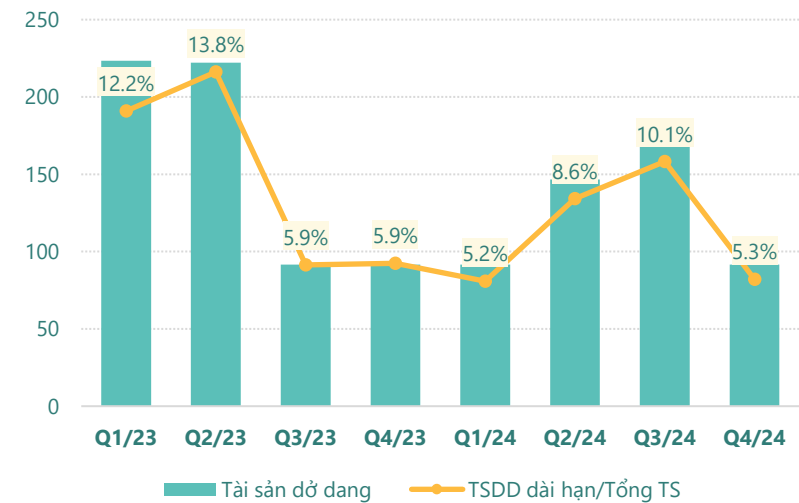
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

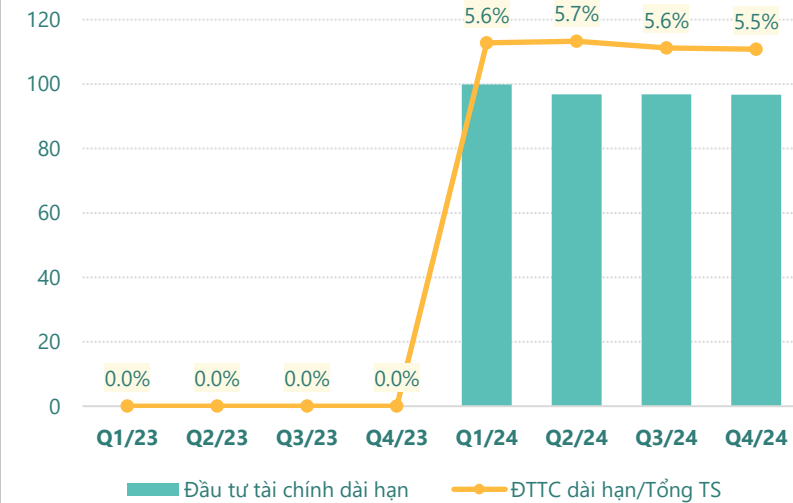
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

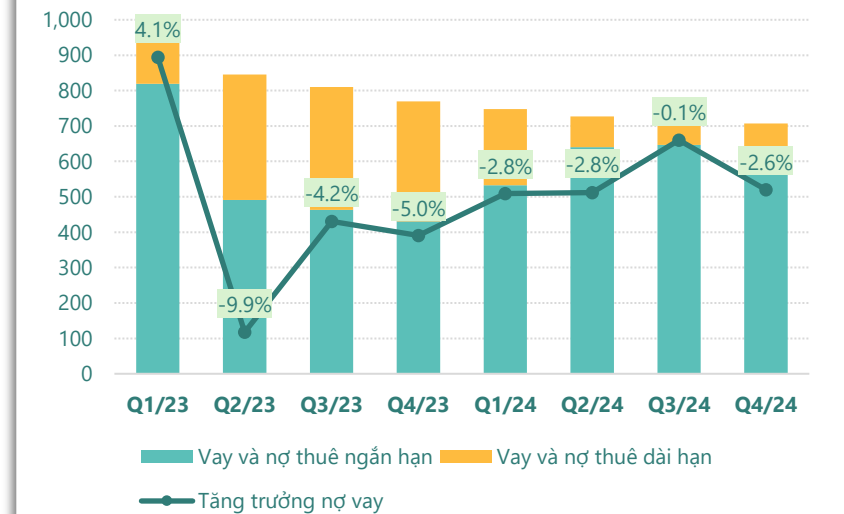
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

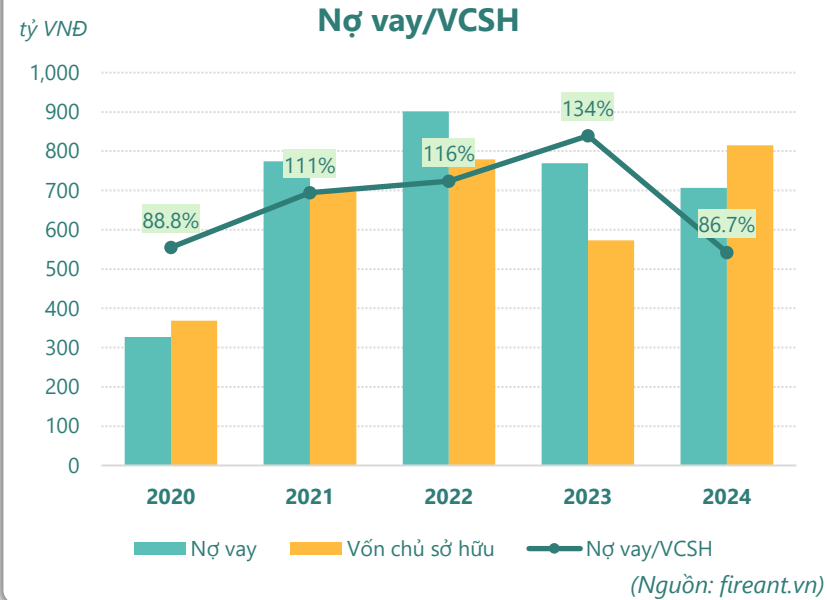
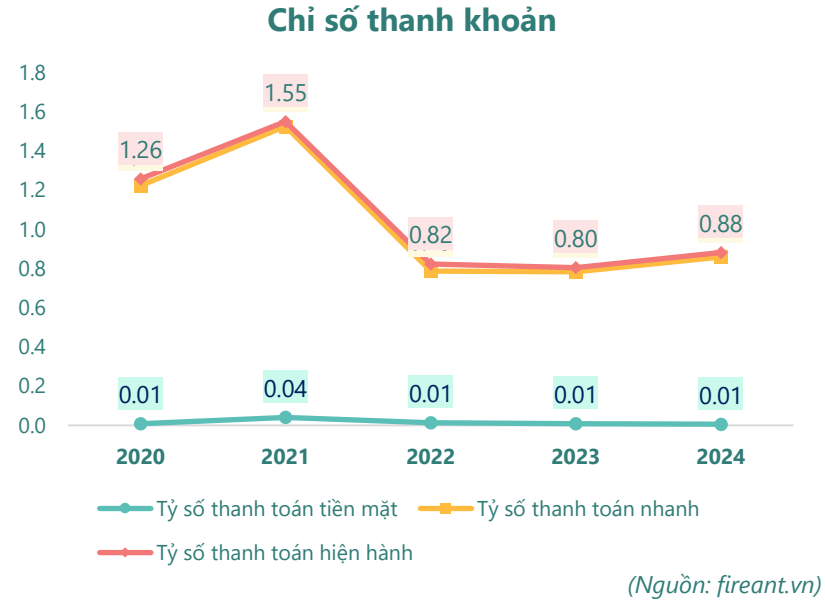
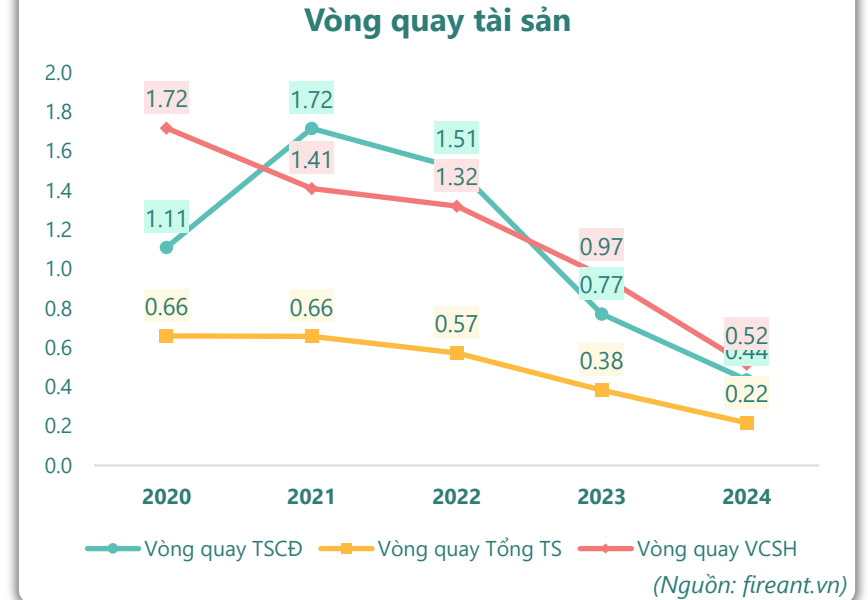
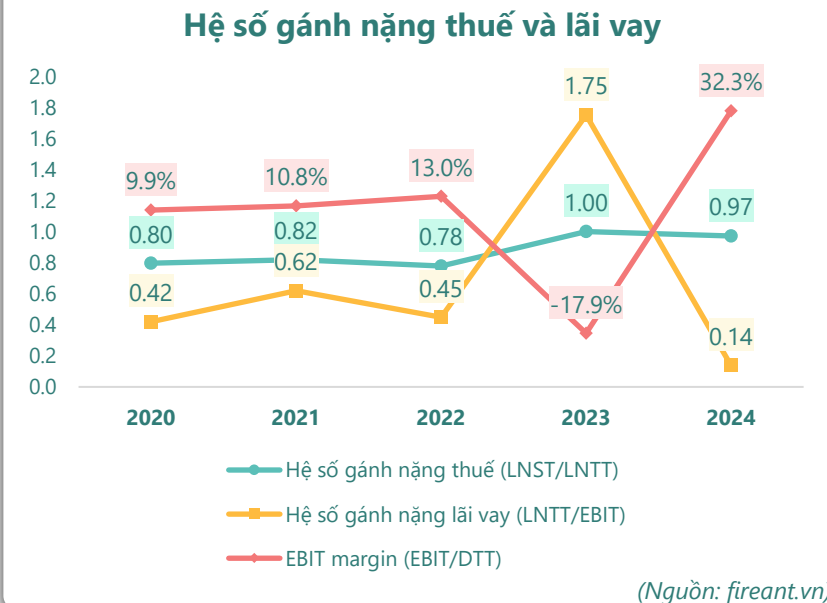
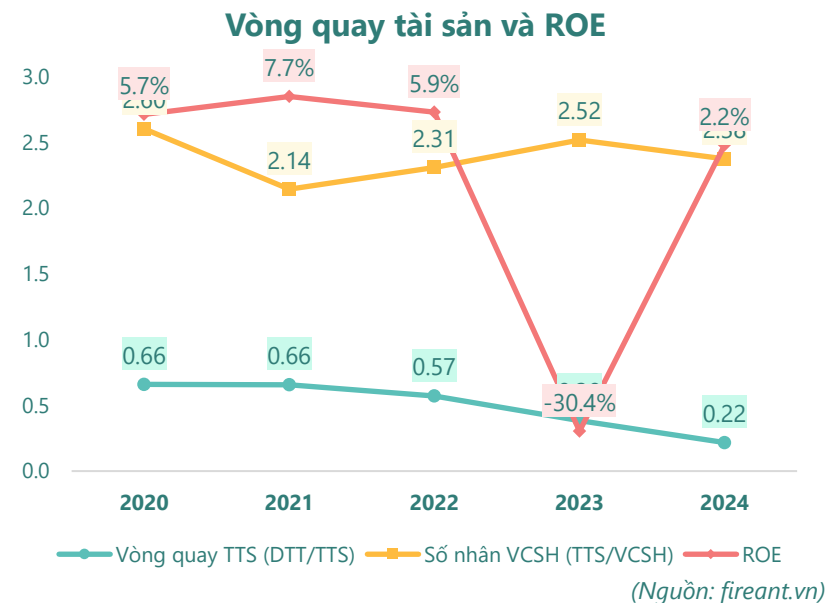
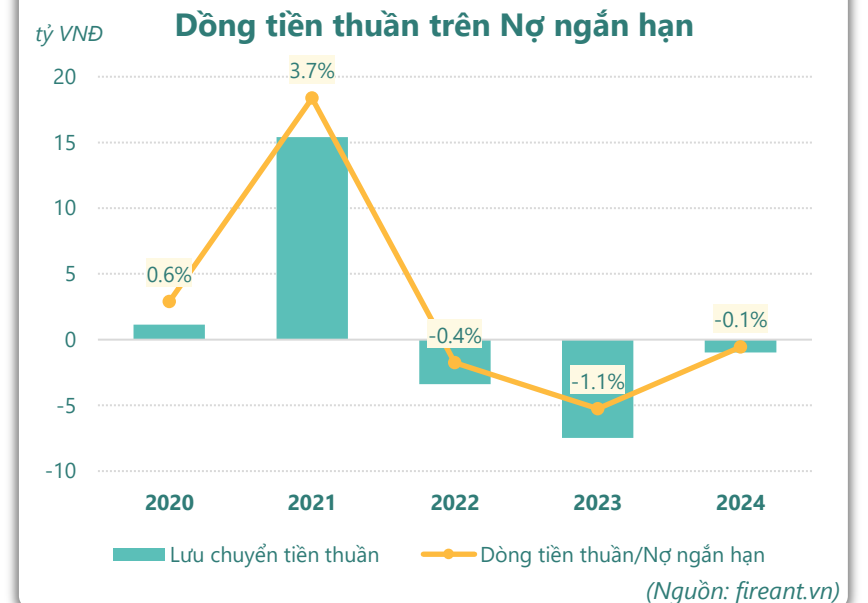
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q4/24	Q4/23	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	201	126	59.4%	358	654	-45.3%
Giá vốn hàng bán	162	108	49.9%	296	607	-51.2%
Lợi nhuận gộp	38.8	18.9	106%	61.5	46.5	32.3%
Doanh thu HĐTC	-0.54	8.19	-107%	52.7	0.82	6337%
Chi phí TC	25.2	23.4	7.9%	101	245	-58.7%
Chi phí lãi vay	24.7	22.6	9.5%	99.7	88.1	13.1%
LN trong công ty LKLD	-0.05	0.00		-0.15	0	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	3.16	5.54	-42.9%	13.6	14.9	-8.8%
LN thuần từ HĐKD	9.85	-1.81	644%	-0.65	-212	99.7%
Lợi nhuận khác	-1.48	2.15	-169%	16.5	7.24	129%
LN trước thuế	8.36	0.34	2360%	15.9	-205	108%
Lợi nhuận sau thuế	8.56	0.10	8461%	15.5	-205	108%
LNST của CĐ cty mẹ	8.46	0.73	1058%	15.2	-206	107%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-30.8	37.6	-98.4	55.9	57.6	-67.3
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	71.1	0.95	-75.3	-68.5	-27.0	84.3
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-35.9	-40.3	178	12.1	-33.6	-19.1
Tiền đầu kỳ	3.35	7.76	6.10	10.7	10.1	7.15
Lưu chuyển tiền thuần	4.41	-1.66	4.56	-0.52	-2.99	-2.02
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Tiền cuối kỳ	7.76	6.10	10.7	10.1	7.15	5.13

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	1,746	1,552	12.5%
Tài sản ngắn hạn	757	573	32.2%
Tiền và tương đương tiền	5.13	6.10	-15.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	10.0	-100%
Phải thu ngắn hạn	726	519	39.9%
Hàng tồn kho	19.6	15.1	29.4%
Tài sản ngắn hạn khác	6.37	22.6	-71.8%
Tài sản dài hạn	988	979	1.0%
Phải thu dài hạn	14.0	0.05	30088%
Tài sản cố định	773	870	-11.2%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	91.7	91.7	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	96.7	0	
Tài sản dài hạn khác	9.68	10.0	-3.6%
Lợi thế thương mại	3.65	6.77	-46.1%
Nợ phải trả	931	979	-4.9%
Nợ ngắn hạn	858	712	20.6%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	636	546	16.3%
Phải trả người bán ngắn hạn	47.4	48.3	-1.9%
Nợ dài hạn	72.7	267	-72.8%
Vay và nợ thuê dài hạn	71.4	223	-68.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	815	573	42.2%
Vốn chủ sở hữu	815	573	42.2%
Vốn điều lệ	798	598	33.4%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

